

Hộp Anbirip: 105 x 20 x 45mm

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 19/1/2013



Thành phần:
Mỗi viên nén chứa:
Triprolidine HCl 2,50mg / Pseudoephedrin HCl 60,00mg
Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản:
Nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn:
Nhà sản xuất.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH US PHARMA USA
Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM.



Composition:
Each tablet contains:
Triprolidine HCl 2,50mg / Pseudoephedrin HCl 60,00mg
Indications, contra-indications, dosage, administration:
Please refer to enclosed package insert.
Storage:
In a cool and dry place, below 30°C, protect from direct sunlight.

Specification:
Manufacturer.
Keep out of reach of children.
Read the package insert before use.
Manufacturer: US PHARMA USA CO., LTD.
Lot B1-10, D2 Street, Tay Bac Cu Chi Industrial Zone, HCMC.

Vỉ Anbirip: 96 x 42mm





ANBIRIP

Handwritten signature/initials.

Thành phần

Mỗi viên nén chứa:

Tripolidine HCl 2,50 mg

Pseudoephedrin HCl 60,00 mg

Tá dược : Tinh bột ngô, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon (PVP) K30, Natri starch glycolat, Talc, Aerosil, Magnesi stearat.

Chỉ định

ANBIRIP là phối hợp của một chất kháng histamin và chất cường giao cảm. Sự phối hợp của 2 thuốc này làm giảm triệu chứng của viêm mũi và viêm mũi dị ứng kéo dài, viêm mũi vận mạch và cảm lạnh.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Liều lượng và cách dùng

Liều dùng và thời gian dùng thuốc cho từng trường hợp cụ thể theo chỉ định của Bác sĩ điều trị. Liều thông thường như sau:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên/lần, uống 3 – 4 lần/ngày.

Cách dùng: Có thể uống trước hay sau bữa ăn.

Chống chỉ định

Người bệnh quá mẫn với pseudoephedrin và tripolidin hay bất cứ thành phần nào của thuốc.

Người bệnh bị cao huyết áp nặng, bị bệnh mạch vành nặng

Người bệnh đang điều trị bằng thuốc ức chế monoaminoxidase hoặc mới ngừng dùng thuốc này chưa được hai tuần.

Người bệnh cường giáp, cơn hen cấp, glôcôm góc đóng.

Người bệnh hạ kali huyết chưa được điều trị.

Chống chỉ định cho trẻ em dưới 6 tuổi

Thận trọng:

ANBIRIP có thể gây buồn ngủ và làm ảnh hưởng những xét nghiệm về thính giác. Bệnh nhân dùng thuốc không nên lái xe hay thao tác máy khi chưa xác định rõ các đáp ứng của bản thân đối với thuốc.

Cần sử dụng thận trọng ANBIRIP ở những bệnh nhân tăng áp lực trong ổ mắt (glôcôm góc hẹp), loét dạ dày chít hẹp, hẹp môn vị tá tràng, phì đại tiền liệt tuyến, nghẽn cổ tử mật, đái tháo đường, bệnh tim thiếu máu cục bộ, cường giáp, cao huyết áp, và tiền sử hen phế quản.

Tương tác thuốc

Dùng ANBIRIP đồng thời với các tác nhân giống giao cảm, như các thuốc chống sung huyết, thuốc chống trầm cảm tricyclic, thuốc làm giảm ngon miệng và các thuốc kích thích thần kinh giống amphetamine, hay dùng ANBIRIP đồng thời với các IMAO can thiệp vào quá trình dị hóa các amine giống giao cảm, đôi khi có thể làm tăng huyết áp.

Do thuốc có chứa pseudoephedrine, ANBIRIP có thể làm đảo ngược một phần tác động của các thuốc can thiệp vào hoạt động giao cảm, bao gồm brétylium, bétanidine, gaunéthidine, débrisoquine, méthyldopa và các tác nhân ức chế alpha và beta adrénergique.

Phụ nữ mang thai và cho con bú

Mặc dù pseudoephedrine, tripolidine đã được dùng rộng rãi nhiều năm mà không gây ảnh hưởng bất lợi rõ ràng nào, vẫn chưa có số liệu đặc trưng về việc sử dụng thuốc trong thời gian mang thai. Do đó cần cân nhắc cẩn thận giữa lợi ích điều trị với những ngẫu nhiên có thể có ảnh hưởng lên sự phát triển của thai nhi ANBIRIP không dùng cho phụ nữ đang cho con bú vì thuốc được phân bố trong sữa mẹ.



Người lái xe và vận hành máy móc: Thuốc có thể gây buồn ngủ và ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các test thử thính lực. Người bệnh không nên lái xe hay vận hành máy móc cho đến khi đã được xác định rõ đáp ứng với thuốc.

Tác dụng phụ

Thường gặp

Tuần hoàn: Đánh trống ngực.

Thần kinh trung ương: Ở người bệnh nhạy cảm, ngay cả với liều thấp pseudoephedrin cũng có thể gây mất ngủ, lo lắng và lú lẫn, đặc biệt khi dùng đồng thời với cafein.

Tiết niệu: Bí đái, đái khó.

Toàn thân: Nhức đầu, mệt mỏi, phối hợp kém,

Ít gặp

Toàn thân: Chóng mặt, nhức đầu, vã mồ hôi, cảm giác tức ngực.

Tiêu hóa: Đau bụng, buồn nôn, nôn, khô miệng, mũi, họng

Thần kinh: Run, mất ngủ, lo lắng, bồn chồn.

Mắt: Nhìn mờ

Cơ xương: Yếu cơ.

Khác: Khát.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Máu: Giảm bạch cầu hạt, giảm bạch cầu trung tính, giảm tiểu cầu, thiếu máu tan huyết.

Huyết áp: Tụt huyết áp thể đứng.

Thính giác: Ò tai

Toàn thân: Phản ứng dị ứng, phản ứng chéo với các thuốc khác.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí :

Triệu chứng : buồn ngủ, ngủ lịm đi, chóng mặt, mất điều hòa, cảm giác yếu ớt, giảm trương lực, suy hô hấp, khô da và niêm mạc, tim nhanh, cao huyết áp, sốt cao, tăng hoạt động, kích thích, co giật, khó tiểu, giật rung nhãn cầu, buồn nôn và nôn mửa.

Trong trường hợp quá liều trầm trọng, có thể ngưng thở, suy kiệt tuần hoàn, ngưng tim và tử vong.

Điều trị : cần áp dụng các biện pháp cần thiết để củng cố và duy trì hô hấp và kiểm soát các cơn co giật.

Nếu có chỉ định, cần rửa dạ dày trong vòng 3 giờ sau khi uống thuốc. Có thể cần đặt catheter bàng quang.

Nếu muốn, có thể tăng đào thải pseudoephedrine bằng sự bài niệu acide hay thẩm tách.

Dạng trình bày

Hộp 3 vỉ x 10 viên

Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn nhà sản xuất

Hạn dùng

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản

Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Nhà sản xuất:

Công Ty US Pharma USA

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại 08-37908860

